TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 732/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã H, huyện L, tỉnh H.

Tạm trú: Tổ 13, đường D, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Có mặt

Bị đơn: Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã H, huyện L, tỉnh H

Tạm trú: Tổ 13, đường D, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 03/7/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Bà T và ông Đ đăng ký kết hôn ngày 27/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh H. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Ông Đ không chăm lo cho vợ con mà thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc, cá độ, không lo làm ăn, không phụ giúp bà T về kinh tế gia đình. Ngoài ra, ông Đ nhiều lần phạm tội và đã phải đi chấp hành án phạt tù đến 03 lần nên con cái đều do một mình bà T chăm sóc. Tại thời điểm bà T nộp đơn khởi kiện ly hôn thì ông Đ đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tống Lê Chân, đội 6, phân trại 2.

Bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì hôn nhân. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là Mai Hồ Phương L, sinh ngày 14/9/2009 và Mai Hồ Quang T1, sinh ngày 28/6/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bản tự khai cùng ngày 16/10/2020, lời khai trong quá trình tham giá tố tụng bị đơn ông Mai Văn Đ trình bày:

Ông thống nhất với bà T về việc đăng ký kết hôn như bà T trình bày.

Về hôn nhân giữa ông và bà T, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 8/2011, ông Đ bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát xử phạt 05 tháng tù giam. Tháng 12/2013, ông Đ bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 02 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản. Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 03 năm tù giam về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, chấp hành án phạt tù tại trại giam Tống Lê Chân. Ngày 07/2/2021, ông Đ chấp hành xong hình phạt tù.

Khi hai vợ chồng sống chung thì không nảy sinh mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ nảy sinh những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống.

Ông Đ không đồng ý ly hôn vì ông Đ mong muốn sau khi ra tù có thể hàn gắn và bù đắp, chăm sóc cho vợ con.

Về con chung: Ông Đ thống nhất có 02 con chung như bà T trình bày. Ông Đ không yêu cầu giải quyết về con chung do ông không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T trình bày: Hiện ông Đ đã được ra tù nhưng từ khi kết hôn năm 2010 đến nay ông Đ đã phạm tội và đi chấp hành án đến 03 lần. Những lần phạm tội trước, bà T điều bỏ qua vì hy vọng ông Đ khi chấp hành hình phạt tù xong sẽ tu chí làm ăn, cùng bà T chăm sóc con chung nhưng ông Đ vẫn tiếp tục phạm tội cho thấy ông Đ không có trách nhiệm với vợ con và gia đình nên bà không đồng ý hàn gắn với ông Đ. Bà giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Mai Văn Đ tạm trú tại khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ lần các văn bản tố tụng cho bị đơn để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27/01/2010 tại UBND xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để ông Đ đến tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng

cứ do nguyên đơn cung cấp, trình bày tại phiên tòa và lời khai của bị đơn, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Xét thấy, bà T và ông Đ đăng ký kết hôn năm 2010 nhưng quá trình chung sống , ông Đ đã nhiều lần phạm tội và phải chấp hành hình phạt tù, cụ thể: Tháng 8/2011, ông Đ bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát xử phạt 05 tháng tù giam. Sau khi chấp hành xong, tháng 12/2013, ông Đ bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 02 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản. Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 03 năm tù giam về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Điều đó cho thấy ông Đ không có trách nhiệm với gia đình, không làm tròn bổn phận của một người chồng, người cha. Không lo làm ăn phụ giúp kinh tế với bà T để chăm lo cuộc sống gia đình mà nhiều lần phạm tội.

Hiện bà T không còn tình cảm với ông Đ và không muốn tiếp tục hàn gắn. Ông Đ muốn hàn gắn gia đình nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn với bà T.

Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung:

Bà T và ông Đ có 02 con chung là Mai Hồ Phương L, sinh ngày 14/9/2009 và Mai Hồ Quang T1, sinh ngày 28/6/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Linh đang sinh sống tại xã H, huyện L, tỉnh Hà T cùng ông bà nội và ông bà ngoại. Tại Giấy xác nhận ngày 04/12/2020 có xác nhận của UBND xã H, huyện L, tỉnh H thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì điều kiện của ông Đ không đủ để nuôi cháu Linh ăn học. Cháu T1 hiện bà T đang trực tiếp chăm sóc. Xét thấy, ông Đ đã nhiều lần vi phạm pháp luật và hiện không có việc làm ổn định. Bà T hiện đang đi làm và có thu nhập ổn định như vậy điều kiện bà T nuôi con là tốt hơn ông Đ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con chung của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu L và cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T đối với bị đơn ông Mai Văn Đ về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T được ly hôn với ông Mai Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung là Mai Hồ Phương L, sinh ngày 14/9/2009 và Mai Hồ Quang T1, sinh ngày 28/6/2016 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Hồ Thị T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0048015 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích